

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂY HỒ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DSST

Ngày: 22/9/2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Bình
2. Bà Nguyễn Thị Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Châu – Thư ký TAND quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ tham gia phiên tòa:

Bà Đàm Thị Tú – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HPT ngày 25/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V ; Trụ sở: Số nhà A, phố L, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Việt H – Trưởng bộ phận xử lý nợ V1 và anh Nguyễn Hữu T – Chuyên viên xử lý nợ V1 (theo Văn bản ủy quyền số 3133/2020/UQ-VPB ngày 01/7/2020 của Ngân hàng TMCP V) (ông H vắng mặt, ông T có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Chị Trịnh Thị Đ – sinh năm: 1980; HKTT và nơi cư trú cuối cùng: Số nhà A, khu D, dự án nhà ở hồ A, phường Y, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội (vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng) và chị Trịnh Thị Đ kí Hợp đồng tín dụng số 8543556 ngày 09/8/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 8543556. Theo đó, số tiền chị Trịnh Thị Đ vay của Ngân hàng là 1.012.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 11,5%/năm, + biên độ 3,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Mục đích cho vay: mua xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI SANTAFE FULL mới 100%. Thời gian vay là 83 tháng kể từ ngày kí. Việc kí kết Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng và chị Đ theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 09/8/2016, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 1.012.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của đại lý Công ty TNHH Ô tô Việt Phúc. Chị Trịnh Thị Đ đã được Ngân hàng thông báo và đồng ý xác nhận chuyển tiền vào tài khoản của Công ty TNHH Ô tô Việt Phúc (thông qua việc kí xác nhận vào Ủy nhiệm chi)

Quá trình thanh toán: Hàng tháng, chị Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 12.192.000 đồng và lãi phát sinh dựa theo dư nợ gốc còn lại. Tuy nhiên, chị Đ chưa thanh toán bất kì số tiền nợ gốc nào cho Ngân hàng kể từ khi vay và khoản vay quá hạn ngay từ kì đầu tiên. Đối với số tiền nợ lãi, Ngân hàng trích từ tài khoản của chị Trịnh Thị Đ tại Ngân hàng để thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn, cụ thể như sau:

Ngày 09/9/2016, chị Đ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.551.150 đồng;

Ngày 01/10/2016, chị Đ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 415 đồng;

Ngày 01/11/2016, chị Đ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 22 đồng;

Ngày 01/12/2016, chị Đ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 21 đồng;

Ngày 01/01/2017, chị Đ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 22 đồng;

Ngày 01/02/2017, chị Đ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 22 đồng;

3

Tổng số tiền chị Đ đã thanh toán cho Ngân hàng là 3.552.044 đồng là tiền nợ lãi trong hạn; chưa thanh toán tiền nợ gốc là 1.012.000.000 đồng và số tiền nợ lãi phát sinh.

Như vậy, chị Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 09/9/2016 (không thanh toán đủ số tiền hàng tháng như đã cam kết) và từ sau ngày 01/11/2019, chị Đ không thanh toán thêm bất cứ số tiền nào cho Ngân hàng. Ngân hàng đã gửi nhiều lần Thông báo yêu cầu thanh toán nhiều lần nH chị Đ tiếp tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tạm tính đến ngày 28/7/2020, chị Đ còn nợ tổng cộng số tiền 1.856.675.902 đồng, trong đó dư nợ gốc là 1.012.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 709.841.222 đồng và nợ lãi quá hạn là 134.834.680 đồng.

*** Tài sản đảm bảo cho khoản vay:** Đối với Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận đã kí, chị Đ thế chấp 01 xe ô tô HUYNDAI SANTAFE, BKS 30E-631.51, Giấy chứng nhận đăng kí xe ô tô số 268.664 ngày 09/8/2016 do Phòng CSGT – CA thành phố Hà Nội cấp mang tên chị Trịnh Thị Đ. Việc thế chấp đã ghi nhận tại Điều 3: Biện pháp bảo đảm tiền vay trong Hợp đồng tín dụng chị Đ đã kí với Ngân hàng. Ngày 09/8/2016, chị Đ đã có đơn yêu cầu đăng kí giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo về việc kê biên gửi tới Trung tâm đăng kí giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng. Ngày 09/8/2016, Trung tâm đăng kí giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng đã có GCN đăng kí giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo về việc kê biên tài sản thi hành án đối với người yêu cầu đăng kí là Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và bên bảo đảm là chị Trịnh Thị Đ.

Chiếc xe được định giá theo giá tại thời điểm cho vay là 1.265.000.000 đồng. Theo quy chế cho vay của Ngân hàng tại thời điểm cho vay, tài sản đảm bảo là ô tô được cho vay tối đa tương ứng với 80%. Chị Đ được Ngân hàng cho vay số tiền tương đương với 80% giá trị chiếc xe là tài sản đảm bảo

Khi hết thời hạn vay theo hợp đồng, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thực hiện việc thanh toán nợ nH bị đơn không thực hiện theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã kí. Nay, Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc bị đơn là chị Trịnh Thị Đ phải thanh toán tổng số tiền: 1.856.675.902 đồng (bao gồm toàn bộ khoản tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn) cho Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng tín dụng số 8543556 ngày 09/8/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 8543556, tạm tính từ thời điểm bị đơn vi

phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn vào kì thanh toán đầu tiên là ngày 09/9/2016 cho đến ngày 28/7/2020, cụ thể như sau:

- Tiền nợ gốc: 1.012.000.000 đồng;
- Tiền nợ lãi trong hạn: 709.841.222 đồng;
- Tiền nợ lãi quá hạn: 134.834.680 đồng;

2. Buộc bị đơn phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Trường hợp bị đơn không thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô HUYNDAI SANTAFE, số khung RLUSV81XDGN004614, số máy D4HBGU440821, BKS 30E-631.51 được cấp Giấy chứng nhận đăng kí xe ô tô số 268.664 ngày 09/8/2016 do Phòng CSGT – CA thành phố Hà Nội cấp mang tên chị Trịnh Thị Đ .

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp trên sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ trong Hợp đồng tín dụng số 8543556 ngày 09/8/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 8543556 nêu trên, nếu dư Ngân hàng sẽ trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì Ngân hàng ghi nợ và bên vay tiền tiếp tục trả cho Ngân hàng đủ số tiền còn thiếu.

Bị đơn đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nH vắng mặt tại các buổi làm việc ở Tòa án nên không trình bày được lời khai.

Tại phiên tòa, các bên trình bày ý kiến như sau:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại các buổi làm việc ở Tòa án. Đề nghị HĐXX buộc chị Trịnh Thị Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền 1.903.594.914 đồng, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể:

- Số tiền nợ gốc: 1.012.000.000 đồng
- Số tiền nợ lãi trong hạn: 736.937.484 đồng
- Số tiền nợ lãi quá hạn: 154.657.439 đồng.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không trình bày được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật và việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với chị Trịnh Thị Đ theo Hợp đồng tín dụng số 8543556 ngày 09/8/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 8543556. Chị Trịnh Thị Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền 1.903.594.914 đồng, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm

Trong trường hợp chị Đ không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ khoản nợ nói trên cho Ngân hàng thì 01 xe ô tô HUYNDAI SANTAFE, số khung RLUSV81XDGN004614, số máy D4HBGU440821, BKS 30E-631.51 được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 268.664 ngày 09/8/2016 do Phòng CSGT – CA thành phố Hà Nội cấp mang tên chị Trịnh Thị Đ sẽ được xử lý để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ và ý kiến trình bày của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP V có đơn khởi kiện chị Trịnh Thị Đ về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 8543556 ngày 09/8/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 8543556 đã kí. Hội đồng xét xử xét thấy đây là Tranh chấp phát sinh trong giao dịch dân sự, giữa pháp nhân và cá nhân, phù hợp với quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên xác định đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

- Về thẩm quyền giải quyết:

Chị Trịnh Thị Đ có đăng kí HKTT tại địa chỉ: Số nhà 41, khu D, dự án nhà ở hồ An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Tại thời điểm cho vay, bị đơn có cư trú tại địa chỉ: Số nhà 41, khu D, dự án nhà ở hồ An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an phường Yên Phụ và được biết trước đây bị đơn có sinh sống tại địa chỉ nêu trên NH hiện đã chuyển đi nơi khác, không rõ nơi cư trú mới. Tại địa chỉ: Số nhà 41, khu D, dự án nhà ở hồ An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội hiện có bà Nguyễn Thị Hồng – sinh năm 1949 (mẹ ruột của chị Đ); cháu Mai Thị Thu Phương – sinh năm: 1997, cháu Mai Nhật Anh – sinh năm 1997 và cháu Phạm Quốc T (con đẻ của chị Đ) Đ sinh sống.

Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 5 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, Tòa án nhân dân quận Tây Hồ thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP V là đúng thẩm quyền.

- Về việc xác định tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng:

+ Về nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP V đã xuất trình tài liệu chứng cứ thể hiện VAMC đã đồng ý bán và Ngân hàng đã đồng ý mua khoản nợ của chị Trịnh Thị Đ theo Hợp đồng mua bán nợ số 1349/2019/BN.VAMC1 – VPBANK ngày 28/5/2019. Do vậy, căn cứ Điều 75 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 365 Bộ luật Dân sự; Ngân hàng được VAMC chuyển giao quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật và tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn trong vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 13/2020/DSST ngày 13/02/2020

+ Về bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Tây Hồ đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị Trịnh Thị Đ và được bà Nguyễn Thị Hồng (mẹ đẻ chị Đ) cho biết chị Đ đã làm thủ tục ly hôn với chồng là Phạm Tiến D . Ngoài ra, Ngân hàng cũng chỉ yêu cầu chị Trịnh Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ phát sinh. Do đó, Tòa án xác định khoản tiền vay nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 8543556 ngày 09/8/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 8543556 là khoản nợ do cá nhân chị Đ có nghĩa vụ thanh toán.

- Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không rõ lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiếp tục mở phiên tòa xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Hội đồng xét xử thấy:

1. Về khoản tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 8543556 ngày 09/8/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 8543556 được kí giữa Ngân hàng TMCP V và chị Trịnh Thị Dang

Căn cứ vào nội dung Hợp đồng tín dụng số 8543556 ngày 09/8/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 8543556, các tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự thể hiện: Ngân hàng TMCP V đã cho chị Trịnh Thị Đ vay số tiền 1.012.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 1.012.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty TNHH Ô tô Việt Phúc để thanh toán cho mục đích: Mua xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI SANTAFE FULL mới 100%. Nội dung Hợp đồng tín dụng số 8543556 ngày 09/8/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 8543556 quy định: Lãi suất trong hạn là 11,5%/năm, + biên độ 3,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Thời gian vay là 83 tháng kể từ ngày kí Hợp đồng tín dụng là 09/8/2016

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng tính mức lãi suất trong hạn từ ngày giao kết hợp đồng 09/8/2016 tới tháng 12/2016 là 11,5%/năm; từ tháng 01/2017 đến tháng 06/2017 mức lãi suất trong hạn được điều chỉnh là 12,15%/năm; từ tháng 07/2017 đến tháng 09/2017, mức lãi suất trong hạn được điều chỉnh là 12,10%/năm; từ tháng 10/2017 đến tháng 12/2017, mức lãi suất trong hạn được điều chỉnh là 11,4%/năm; từ tháng 01/2018 đến tháng 03/2018, mức lãi suất trong hạn được điều chỉnh là 11,6%/năm; từ tháng 01/4/2018 đến tháng 6/2018, mức lãi suất trong hạn được điều chỉnh là 10,5%/năm; từ tháng 07/2018 đến tháng 09/2018, mức lãi suất trong hạn được điều chỉnh là 10,8%/năm; từ tháng 10/2018 đến tháng 12/2018, mức lãi suất trong hạn được điều chỉnh là 11,4%/năm; từ tháng 01/2019 đến tháng 06/2019, mức lãi suất trong hạn được điều chỉnh là 12,10%/năm; từ tháng 07/2019 đến tháng 09/2019, mức lãi suất trong hạn được điều chỉnh là 11,9%/năm; từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2019, mức lãi suất trong hạn được điều chỉnh là 12,4%/năm; từ tháng 01/2020 đến tháng 03/2020, mức lãi suất trong hạn được điều chỉnh là 12,10%/năm; từ tháng 04/2020 đến tháng 07/2020, mức lãi suất trong hạn được điều chỉnh là 11,9%/năm.

Việc điều chỉnh lãi suất được căn cứ vào lãi suất cho vay của nguyên đơn áp dụng tại thời điểm điều chỉnh, phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 2 Hợp đồng tín dụng và mục 6, Điều 1 Khế ước nhận nợ đã ký và các quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Do vậy, HĐXX chấp nhận việc thay đổi lãi suất trong hạn trong từng thời kỳ như nguyên đơn trình bày.

Theo tài liệu Ngân hàng xuất trình, kể từ khi Ngân hàng tiến hành giải ngân số tiền 1.012.000.000 đồng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8543556 ngày 09/8/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 8543556 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ kiện, bị đơn mới thanh toán được tổng số tiền là 3.552.044 đồng đồng là tiền nợ lãi trong hạn; chưa thanh toán tiền nợ gốc là 1.012.000.000 đồng và số tiền nợ lãi phát sinh.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 09/9/2016 là kì đầu tiên thanh toán, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán do chỉ thanh toán nợ lãi trong hạn, chưa thanh toán nợ gốc theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng và mục 7 Điều 1 của Khế ước nhận nợ. Do vậy, nguyên yêu cầu tính lãi là phù hợp với nội dung Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký nên được HĐXX chấp nhận.

Bị đơn còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 1.903.594.914 đồng, tạm tính từ ngày 09/9/2016 đến ngày 22/9/2020, bao gồm:

- Số tiền nợ gốc: 1.012.000.000 đồng
- Số tiền nợ lãi trong hạn: 736.937.484 đồng
- Số tiền nợ lãi quá hạn: 154.657.430 đồng.

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là chính đáng, phù hợp với thỏa thuận giữa các bên đã được ký kết trong Hợp đồng tín dụng số 8543556 ngày 09/8/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 8543556, phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 471, Điều 472, Điều 473, Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là chị Trịnh Thị Đ phải thanh toán tổng số tiền tạm tính từ ngày 09/9/2016 đến ngày 22/9/2020 là 1.903.594.914 đồng, là có cơ sở để chấp nhận.

2. Về tài sản bảo đảm cho khoản vay:

Tại Điều 3 Hợp đồng tín dụng số 8543556 ngày 09/8/2016 và Hợp đồng thế chấp ô tô ngày 09/8/2016, hình thức đảm bảo tiền vay của bị đơn là 01 xe ô tô HUYNDAI SANTAFE, số khung RLUSV81XDGN004614, số máy D4HBGU440821, BKS 30E-631.51 được cấp Giấy chứng nhận đăng kí xe ô tô

số 268.664 ngày 09/8/2016 do Phòng CSGT – CA thành phố Hà Nội cấp mang tên chị Trịnh Thị Đ .

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng về thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ đối với 01 xe ô tô HUYNDAI SANTAFE, số khung RLUSV81XDGN004614, số máy D4HBGU440821, BKS 30E-631.51 được cấp Giấy chứng nhận đăng kí xe ô tô số 268.664 ngày 09/8/2016 do Phòng CSGT – CA thành phố Hà Nội cấp mang tên chị Trịnh Thị Đ . Tuy nhiên, chị Trịnh Thị Đ không chấp hành việc mang xe ô tô nói trên đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp nêu trên. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Trung tâm đăng kí giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng và được biết giao dịch bảo đảm đối với 01 xe ô tô HUYNDAI SANTAFE, số khung RLUSV81XDGN004614, số máy D4HBGU440821, BKS 30E-631.51 (là tài sản thế chấp của chị Trịnh Thị Đ đối với Ngân hàng TMCP V) Đ có hiệu lực, chưa được xóa trên hệ thống đăng kí giao dịch bảo đảm.

Nay, chị Trịnh Thị Đ không thực hiện đúng thời hạn nghĩa vụ trả nợ cho Công ty, nguyên đơn yêu cầu xử lý, phát mại tài sản thế chấp đảm bảo để thu hồi nợ cho Ngân hàng là có căn cứ pháp lý, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nội dung các bên đã cam kết nêu trong Hợp đồng tín dụng số 8543556 ngày 09/8/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 8543556 và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này Ngân hàng, cụ thể: Trong trường hợp chị Trịnh Thị Đ không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ khoản nợ nói trên cho Công ty thì 01 xe ô tô HUYNDAI SANTAFE, số khung RLUSV81XDGN004614, số máy D4HBGU440821, BKS 30E-631.51 được cấp Giấy chứng nhận đăng kí xe ô tô số 268.664 ngày 09/8/2016 do Phòng CSGT – CA thành phố Hà Nội cấp mang tên chị Trịnh Thị Đ sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về án phí:

Chị Trịnh Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng TMCP V được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch đảm bảo;
- Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với chị Trịnh Thị Đ theo Hợp đồng tín dụng số 8543556 ngày 09/8/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 8543556 ngày 09/8/2016

2. Buộc chị Trịnh Thị Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền 1.903.594.914 đồng (một tỉ, chín trăm linh ba triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn, chín trăm mười bốn đồng), tạm tính đến ngày 22/9/2020, bao gồm:

- Số tiền nợ gốc: 1.012.000.000 đồng
- Số tiền nợ lãi trong hạn: 736.937.484 đồng
- Số tiền nợ lãi quá hạn: 154.657.430 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Trịnh Thị Đ vẫn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số 8543556 ngày 09/8/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 8543556 ngày 09/8/2016 đã ký đối với khoản nợ gốc cho đến khi thi hành án xong.

3. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Trịnh Thị Đ không trả đủ khoản nợ được quy định tại mục 2 quyết định này thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự để thu hồi nợ cho Công ty theo Luật thi hành án dân sự là 01 xe ô tô HUYNDAI SANTAFE, số khung RLUSV81XDGN004614, số máy D4HBGU440821, BKS 30E-631.51 được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 268.664 ngày 09/8/2016 do Phòng CSGT – CA thành phố Hà Nội cấp mang tên chị Trịnh Thị Đ ; Hợp đồng tín dụng số 8543556 ngày 09/8/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 8543556 ngày 09/8/2016; Đơn yêu cầu đăng ký giao

dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên ngày 09/8/2016; Giấy chứng nhận đăng kí giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 09/8/2016. Giá trị của 01 chiếc xe được đảm bảo cho khoản nợ gốc và lãi là: 1.856.675.902 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

4. Nếu chị Trịnh Thị Đ trả được toàn bộ số nợ quy định tại mục 2 của quyết định này thì Ngân hàng TMCP V phải trả lại các giấy tờ nhận thế chấp tại mục 3 quyết định này và làm thủ tục giải chấp ngay.

5. Sau khi xử lý các tài sản thế chấp tại mục 3 quyết định này mà chưa trả được hết nợ tại mục 2 của quyết định này thì chị Trịnh Thị Đ phải tiếp tục trả cho đến khi trả xong.

6. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Trịnh Thị Đ phải chịu 69.107.847 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ngân hàng TMCP V được hoàn trả 28.060.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3893 ngày 13/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Tây Hồ;
- CCTHADS quận Tây Hồ;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp

